

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC/ MÔ ĐUN

Lớp: **TPL21BTS**

Năm học: **22-23**

Mã MH/MĐ: **MH01106**

Học kỳ: **02**

Tên MH/MĐ: **Kiến tập**

Số TC: **1**

STT	MSHS	Họ tên	Ngày sinh	Hệ số 1			Hệ số 2			Thi L1	Thi L2	ĐMH/ MĐ
1	21BTPL0359	Lê Lộc Duy	19/05/1986			9.5	9.5	9.5		9.5		9.5
2	21BTPL0360	Khuru Thị Bích Đào	02/07/2000			9.5	9.5	9.5		9.5		9.5
3	21BTPL0367	Trần Thị Ngọc Mai	19/04/2003			9.5	9.5	9.5		9.5		9.5
4	21BTPL0368	Quách Văn Măng	01/01/1991			9.5	9.5	9.5		9.5		9.5
5	21BTPL0369	Lê Trung Nam	04/08/1980			9.5	9.5	9.5		9.5		9.5
6	21BTPL0371	Phan Thị Mỹ Phương	23/10/2002			9.5	9.5	9.5		9.5		9.5
7	21BTPL0375	Nguyễn Thị Lệ Thu	12/08/1988			9.5	9.5	9.5		9.5		9.5
8	21BTPL0379	Lê Phước Trung	15/10/1984			9.5	9.5	9.5		9.5		9.5
9	21BTPL0380	Lê Văn Tuấn	24/04/1986			9.5	9.5	9.5		9.5		9.5
10	21BTPL0575	Đặng Thị Út	19/09/1988			9.5	9.5	9.5		9.5		9.5
11	21BTPL0582	Võ Thị Duyên	29/07/1997			9.5	9.5	9.5		9.5		9.5
12	21BTPL0587	Nguyễn Văn Điền	07/03/1988			9.5	9.5	9.5		9.5		9.5
13	21BTPL0588	Nguyễn Thanh Hải	01/01/1968			9.5	9.5	9.5		9.5		9.5

Châu Đốc, ngày 27 tháng 10 năm 2023

TP. Đào tạo

Giáo viên giảng dạy

Ths. Trần Thanh Dũng

Thạch Bền